

Số: 956/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Trần Thị Kiển
(địa chỉ: thôn Phước Nhơn, xã Phổ Nhơn,
thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; số Chứng minh nhân dân 210945988,
cấp ngày 27/9/2012, nơi cấp Công an tỉnh Quảng Ngãi)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thụ lý và giao Tổ công tác liên ngành thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại của bà Trần Thị Kiển;

Căn cứ Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân công nhiệm vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Qua xem xét nội dung đơn khiếu nại của bà Trần Thị Kiển; Báo cáo số 167/BC-TCTLN ngày 29/6/2022 của Tổ công tác liên ngành (theo Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh) và kết quả đối thoại ngày 17/6/2022, cho thấy quá trình diễn biến vụ việc như sau:

I. Nội dung khiếu nại

Bà Trần Thị Kiển khiếu nại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Quyết định số 152), vì cho rằng UBND tỉnh cho thuê đất có chồng lấn toàn bộ lên tổng diện tích đất bà đang sử dụng là **44.829m²**, gồm **13 thửa đất** trên địa bàn các xã Phổ Nhơn, Phổ Phong, thị xã Đức Phổ, cụ thể: (1) thửa số 27, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.212m², loại đất BHK, xứ đồng Súng Lục; (2) thửa số 135, tờ bản đồ số 1, diện tích 918 m², loại đất LUC, xứ đồng Quang Thượng; (3) thửa số 136, tờ bản đồ số 1, diện tích 515 m², loại đất LUC, xứ đồng Quang

Thượng; (4) thửa số 148, tờ bản đồ số 1, diện tích $625 m^2$, loại đất LUC, xú đồng Quang Thượng; (5) thửa số 149, tờ bản đồ số 1, diện tích $647 m^2$, loại đất LUC, xú đồng Quang Thượng, xã Phổ Nhơn; (6) thửa số 379, tờ bản đồ số 1, diện tích $2.336 m^2$, loại đất LUC, xú đồng Mỏ Vịt; (7) thửa số 364 tờ bản đồ số 1, diện tích $7.098 m^2$, loại đất CLN, xú đồng Quang Thượng; (8) thửa số 353, tờ bản đồ số 1, diện tích $3.597 m^2$, loại đất BHK, xú đồng Cơ Khí, xã Phổ Nhơn; (9) thửa số 535, tờ bản đồ số 2 diện tích $3.597 m^2$, loại đất BHK, xú đồng Cơ Pa; (10) thửa số 8, tờ bản đồ số 2, diện tích $950 m^2$, loại đất CLN, xú đồng Cơ Pa; (11) thửa số 267, tờ bản đồ số 1, diện tích $3.283 m^2$, loại đất BHK, xú đồng Thanh Niên. xã Phổ Phong; (12) thửa số 468, tờ bản đồ số 1, diện tích $11.813 m^2$, loại đất CLN, xú đồng Tam Cấp, xã Phổ Phong; (13) thửa số 467, tờ bản đồ số 1, diện tích $8.487 m^2$, loại đất BHK, xú đồng Tam Cấp, xã Phổ Phong.

Bà Trần Thị Kiển yêu cầu xem xét lại Quyết định số 152, hủy bỏ một phần Quyết định số 152 liên quan đến phần diện tích bà đang sử dụng và công nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với 13 thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật đất đai.

II. Kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại

1. Tiền thân của Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi (nay là Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi, sau đây viết tắt là Công ty 24/3) là Nông trường 24/3 huyện Đức Phổ được UBND tỉnh Nghĩa Bình thành lập tại Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 30/12/1977. Năm 1990, UBND huyện Đức Phổ chủ trì, phối hợp với UBND xã Phổ Phong, xã Phổ Nhơn và Nông trường 24/3 tiến hành cắm cột mốc ranh giới giữa các xã với Nông trường 24/3 để phân định thẩm quyền ranh giới về đất đai. Năm 1990 - 1991, Đoàn điều tra cơ bản của Ban quản lý đất đai tỉnh đã tiến hành đo vẽ, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 cho toàn bộ phần diện tích Nông trường 24/3 đang quản lý. Tại Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Nông trường 24/3 được chuyển giao về cho Sở Nông lâm nghiệp quản lý, sau đó được sáp nhập với Lâm trường Đức Phổ để thành lập Nông trường 24/3 Quảng Ngãi. Sau đó, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty tại Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 thì tổng diện tích đất là 709,44ha và được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thuê diện tích 709,448ha, thời hạn thuê là 49 năm.

Qua kết quả xác minh, 13 thửa đất mà bà Kiển đang khiếu nại có phần diện tích đất $5.891 m^2$ thuộc một phần diện tích của 03 thửa đất: ((8) thửa số 353, diện tích $03 m^2$, loại đất SON; (12) thửa số 468, diện tích $5.036 m^2$); (13) thửa số 467, diện tích $852 m^2$ không nằm trong phần diện tích đất UBND tỉnh cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 thuê đất tại Quyết định số 152 nên không thuộc đối tượng giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch

UBND tỉnh. Do đó, diện tích đất bà Kiển khiếu nại thuộc đối tượng giải quyết khiếu nại lần đầu có diện tích là **38.938m² thuộc 13 thửa đất** trên địa bàn các xã Phở Nhon, Phở Phong có nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng như sau:

- Thực hiện Quyết định số 327-CT ngày 15/9/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng “*về một số chủ trương, chính sách sử dụng đất trồng, đồi núi trọc, rừng, bãi bồi ven biển và mặt nước*”, ngày 18/10/1993, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1810/QĐ-UB phê duyệt thiết kế trồng cây cao su theo Dự án 327 vùng Tây Đức Phở với nội dung cơ bản: *Nhà nước hỗ trợ về vốn và dịch vụ kỹ thuật, các hộ được vận động đăng ký tham gia trồng cây cao su có đơn gửi UBND các xã xin nhận đất, nhận rừng*. Bà Trần Thị Kiển lúc bấy giờ là Công nhân Nông trường 24/3, có đơn ghi ngày 18/12/1993 xin nhận đất trồng cây cao su theo Dự án 327 với tổng diện tích đất là **1,15 ha (11.500m²)**, với mục đích sử dụng khai hoang trồng mới cây cao su năm 1993. Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc thực tế thì diện tích bà Kiển đang sử dụng là **8.116m² (giảm 3.384 m²)**. Hiện nay, theo Bản đồ địa chính khu đất năm 2020 thuộc **02 thửa đất** (cụ thể: diện tích 481 m², thửa đất số 468, tờ bản đồ số 1, xã Phở Phong, loại đất CLN và 7.635 m², thửa đất số 467, tờ bản đồ số 01, loại đất BHK). UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi ngày 25/10/2016, đã chỉnh lý tại trang 3 người sử dụng đất đổi tên thành Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi vào ngày 07/02/2018 (các GCNQSD đất số: CT 07816, số CT 07812 đối với thửa 468; GCNQSD đất số: CT 07973, số CT 07974 đối với thửa 467).

Khi thực hiện trồng cây cao su, giữa Ban quản lý Dự án Nông trường 24/3 (Ban quản lý Dự án) và bà Kiển xác lập Hợp đồng kinh tế (Hợp đồng không ghi số) ngày 25/9/1993 về việc trồng cây cao su theo Dự án, trong đó xác định một số trách nhiệm của Ban quản lý Dự án là làm các thủ tục đề cấp có thẩm quyền quyết định giao đất cho bà Kiển sử dụng lâu dài theo Dự án; đồng thời, bà Kiển cam kết thực hiện đúng khế ước vay vốn, phải hoàn trả vốn vay cho Nhà nước đúng số lượng và thời gian đã quy định. Ngày 25/9/1993, bà Kiển có đơn gửi Kho bạc Quảng Ngãi và Ban quản lý Dự án xin vay vốn để sử dụng vào mục đích **khai hoang và trồng mới cây cao su năm 1993 với diện tích 1,15 ha**, với tổng số tiền xin vay là **3.943.069** đồng. Theo đó, giữa Ban quản lý Dự án và bà Kiển xác lập Khế ước vay tiền (Kiêm giấy nhận nợ)¹. Quá trình trồng và chăm sóc cây cao su thực hiện từ năm 1993 đến năm 2002 không có hiệu quả, UBND tỉnh thống nhất (tại Thông báo số 30/TB-UB ngày 19/3/2002) hủy toàn bộ diện tích cây cao su do các hộ

¹ Ngày 25/9/1993, duyệt cho vay số tiền 3.943.069 đồng, kỳ hạn được vay 84 – 96 tháng, 0% lãi suất với mục đích sử dụng tiền vay khai hoang trồng mới cao su năm 1993. Trong các tiếp theo 1994, 1995 và 1997, bà Kiển tiếp tục có đơn xin vay vốn để chăm sóc cây cao su trồng năm 1993 với diện tích 1,15ha và đã được Chủ Dự án 327 xác lập các Khế ước vay tiền (Kiêm giấy nhận nợ) với số tiền mỗi đợt là 1.150.000 đồng, kỳ hạn 84-96 tháng, không lãi suất gồm: ngày 06/1/1994 (để chăm sóc cao su 1994 trồng năm 1993); ngày 02/10/1995 (chăm sóc cao su 1995 trồng 1993); ngày 10/1/1997 (chăm sóc cao su năm 1996).

Công nhân Nông trường và người dân thực hiện, khoan nợ vốn vay hoặc xóa nợ.

Khi chấm dứt dự án trồng cây cao su theo Dự án 327, theo Thông báo số 32/TB-UB ngày 21/04/2003 của UBND huyện Đức Phổ thì các hộ phải làm đơn làm đơn xin nhận đất để trồng cây mía và cam kết trả nợ vay trồng cây cao su. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ bà Kiển không có đơn xin nhận đất trồng cây mía và cam kết trả nợ, đúng văn bản nêu trên.

Ngày 17/01/2003, Nông trường 24/3 có biên bản làm việc với bà Trần Thị Kiển và yêu cầu bà dừng ngay việc trồng hoa màu trên đất của bà đã nhận trồng cây cao su để Nông trường triển khai việc cải tạo đất và trồng cây nguyên liệu theo kế hoạch Nông trường năm 2003 – 2004. Về sau, bà Kiển thực hiện theo kế hoạch sản xuất của Nông trường 24/3.

Sau khi chuyển sang trồng cây mía bà Kiển có nộp sản lượng cho Nông trường từ năm 2006 đến hết năm 2016. Từ tháng 7/2017 đến tháng 7/2019, Công ty 24/3 thông báo đến bà Kiển, yêu cầu nộp các khoản phải thu trên đất nhận khoán đối với đất trồng cây mía và các khoản thu loại đất khác nhưng bà Kiển không đồng ý vì cho rằng toàn bộ diện tích đất bà đang canh tác không phải bà thuê của Công ty 24/3.

- Diện tích đất Ban quản lý Dự án giao canh tác lấy ngắn nuôi dài trong thời gian chờ thu hoạch mủ cây cao su và giao ổn định lương thực có diện tích **10.545m²**, thuộc **07 thửa đất** ở xã Phô Nhơn, cụ thể: Đất giao định suất để trồng mía có **diện tích 7.840m²** thuộc các thửa đất **(1)** thửa số 267, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.283m², loại đất BHK; **(2)** thửa số 27, tờ bản đồ số 1, diện tích 3.212m², loại đất BHK; **(3)** thửa số 353, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.345m², loại đất CLN. Đất lúa giao đảm bảo lương thực có **diện tích 2.705m²** thuộc các thửa đất **(4)** thửa số 135, tờ bản đồ số 1, diện tích 918 m², loại đất LUC; **(5)** thửa số 136, tờ bản đồ số 1, diện tích 515 m², loại đất LUC; **(6)** thửa số 148, tờ bản đồ số 1, diện tích 625 m², loại đất LUC; **(7)** thửa số 149, tờ bản đồ số 1, diện tích 647m², loại đất LUC. Các thửa đất trên UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi ngày 25/10/2016; hiện nay, đã chỉnh lý tại trang 3 người sử dụng đất đổi tên thành Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi vào ngày 07/02/2018.

Qua xác minh thì nguồn gốc 07 thửa đất nêu trên là do Nông trường 24/3 chủ trương khai hoang trước đây. Khi thực hiện dự án trồng cây cao su thì chủ trương của Nông trường 24/3 là giao các hộ để tự sản xuất, thu hoạch sản phẩm trong thời gian chờ thu hoạch mủ cây cao su (*còn gọi là canh tác để lấy ngắn nuôi dài và giao trồng lúa để đảm bảo lương thực*). Tuy nhiên, sau khi kết thúc dự án trồng cây cao su (năm 2002) thì bà Kiển vẫn tiếp tục canh tác, có nộp sản lượng cho Nông trường (Công ty 24/3) diện tích đất canh tác lấy ngắn nuôi dài thể hiện tại các phiếu thu do Nhà máy Đường thu hộ. Riêng

diện tích đất giao trồng lúa để đảm bảo lương thực Công ty 24/3 không thu sản lượng.

- Diện tích đất bà Kiển cho rằng tự khai hoang năm 1993 có **diện tích 20.277 m² thuộc 05 thửa đất** ở xã Phổ Nhơn gồm: **(1)** thửa số 379, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.336m², loại đất LUC; **(2)** thửa số 364, tờ bản đồ số 1, diện tích 7.098m², loại đất CLN; **(3)** thửa số 535, tờ bản đồ số 2, diện tích 3.597 m², loại đất BHK; **(4)** thửa số 8, tờ bản đồ số 2, diện tích 950m², loại đất CLN và **(5)** một phần diện tích (6.296 m²) của thửa số 468, tờ bản đồ số 1, diện tích 11.813m², loại đất CLN xã Phổ Phong). Các thửa đất trên, UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi ngày 25/10/2016; hiện nay, đã chỉnh lý tại trang 3 người sử dụng đất đổi tên thành Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi vào ngày 07/02/2018

Liên quan đến diện tích 05 thửa đất nêu trên, quá trình xác minh cho thấy, đây là diện tích đất hoang nhưng thuộc phạm vi quản lý của Nông trường để làm bờ chống cháy, đường đi trong quá trình sản xuất,... Tuy nhiên, khi bà Kiển khai hoang Nông trường trước đây cũng như về sau là Công ty chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời và cũng không báo chính quyền địa phương để xử lý. Đến ngày 16/7/2010, Công ty tổ chức họp và lập Biên bản có nội dung: *“Nông trường 24/3 cũ trước đây kể từ khi thành lập năm 1977 đến nay không có chủ trương cho bất cứ một cá nhân nào khai hoang trên đất Nông trường. Những diện tích ngoài diện tích giao khoán là dân tự chiếm các bờ lô, bờ thửa, bờ chống cháy, chống xói mòn,...chứ không phải đất khai hoang”*.

2. Qua kiểm tra thực tế, đối chiếu với điểm mốc xác định ranh giới giữa Công ty 24/3 và các xã Phổ Nhơn, Phổ Phong qua từng giai đoạn ((năm 1990 (*Biên bản cắm mốc giới năm 1990*), năm 2014 (*Công ty TNHH ứng dụng dịch vụ trắc địa Bình Tiến thực hiện (Bản đồ đo vẽ năm 2014 đã được thẩm định)*)) thì **13 thửa đất, có tổng diện tích 38.938 m²** mà bà Trần Thị Kiển đang khiếu nại thuộc đối tượng giải quyết khiếu nại lần đầu đều nằm trong phạm vi ranh giới đất Nông trường 24/3 quản lý, sử dụng trước đây và sau này là Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi. Bản thân bà Kiển, nguyên trước đây là nhân viên Công ty 24/3 Quảng Ngãi nên biết rõ về nguồn gốc đất bà đang canh tác là của Công ty 24/3.

III. Kết quả đối thoại

Tại buổi đối thoại ngày 17/6/2022, Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành (*được Chủ tịch UBND tỉnh phân công theo Công văn số 2691/UBND-NC ngày 03/6/2022*) gặp gỡ, đối thoại với bà Trần Thị Kiển (người khiếu nại) và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Tại buổi đối thoại bà Trần Thị Kiển có đến dự, đồng thời ủy quyền cho người đại diện là bà Nguyễn Thị Hoa tham gia, đã được công khai kết quả thẩm tra, xác minh, các căn cứ giải quyết khiếu nại cùng với toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan. Các thành phần tham dự đều

thống nhất về nội dung diễn biến vụ việc và kết quả báo cáo xác minh. Về phía người khiếu nại bà Trần Thị Kiển không thống nhất với diện tích đất khiếu nại, vì cho rằng theo Biên bản kiểm tra thực địa ngày 12/5/2022 bà dẫn đặc có phát sinh thêm **05 thửa đất (05 thửa đất phát sinh bà không khiếu tại Biên bản làm việc ngày 02/8/2021 của Tổ công tác để tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thụ lý khiếu nại)** và **thửa số 397**, tờ bản đồ số 1, **diện tích 888 m²**, loại đất LUC, thuộc xứ đồng Đập Mỏ Vịt, xã Phở Nhơn có trong Biên bản làm việc ngày 02/8/2021. Nhưng, kiểm tra thực địa ngày 12/5/2022 không có các thửa đất này. Các nội dung khiếu nại khác vẫn bảo lưu nội dung trình bày trước đây được Chủ tịch UBND tỉnh thụ lý. Kết thúc buổi đối thoại thành phần tham gia ký thống nhất nội dung Biên bản đối thoại, người khiếu nại bà Trần Thị Kiển không thống nhất ký Biên bản đối thoại.

IV. Kết luận

- Đối với **diện tích 8.116m² thuộc 02 thửa đất** mà bà Trần Thị Kiển nhận trồng cây cao su có Hợp đồng với Ban quản lý Dự án, thời gian sử dụng đất theo dự án trồng cây cao su. Sau Dự án kết thúc năm 2002, do không hiệu quả, diện tích đất trồng cây cao su được chuyển sang trồng cây mía theo chủ trương của UBND tỉnh. Ngày 21/04/2003, UBND huyện Đức Phổ ban hành Thông báo số 32/TB-UB có nêu người dân nhận đất trồng cây cao su trước đây, nếu muốn tiếp tục sử dụng phải làm đơn xin nhận đất để trồng cây mía và cam kết trả nợ vay trồng cây cao su. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ bà Trần Thị Kiển không có đơn như nội dung của Thông báo yêu cầu, nhưng quá trình sử dụng, bà vẫn thực hiện theo kế hoạch sản xuất của Nông trường 24/3 và nộp sản lượng cho Nông trường. Từ đó, cho thấy bà Kiển đã biết và thừa nhận là đất của Nông trường (về sau là Công ty). Căn cứ Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4, khoản 5 Điều 19, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì **diện tích 8.116 m² thuộc 02 thửa đất** số: 467, 468, tờ bản đồ số 01, xã Phở Phong không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Kiển.

- **Diện tích 10.545m² thuộc 07 thửa đất** mà Ban quản lý Dự án giao cho bà Trần Thị Kiển canh tác lấy ngắn nuôi dài trong thời gian chờ thu hoạch mủ cây cao su và giao ổn định lương thực (đất thuần): Đây là đất Nông trường 24/3 khai hoang trước năm 1993, Nông trường 24/3 giao cho bà Trần Thị Kiển sử dụng để sản xuất trong khi chờ thu hoạch mủ cây cao su, không phải đất bà Kiển tự khai hoang trước đây. Căn cứ khoản 4, 5 Điều 19, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì diện tích đất **10.545 m², thuộc 07 thửa đất** ở xã Phở Nhơn, cụ thể: (thửa số 267, diện tích 3.283m²; thửa số 27, diện tích 3.212m²; thửa số 135, diện tích 918 m²; thửa số 136, diện tích 515 m²; thửa số 148, diện tích 625 m²; thửa số 149, diện tích 647m²; thửa số 353, diện tích 1.345m²) không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Kiển.

- Đối với **diện tích 20.277m² thuộc 04 thửa đất** mà bà Trần Thị Kiển cho rằng tự khai hoang năm 1993, nhưng qua làm việc Bà không có hồ sơ cung cấp chứng minh thời điểm khai hoang như trình bày; hơn nữa đây là khu vực đất Nông trường 24/3 quản lý để làm bờ lô, bờ thửa, chống cháy, giao thông, ... trong quá trình sản xuất, lẽ ra khi bà Kiển khai hoang trái phép thì Nông trường phải có biện pháp xử lý theo quy định pháp luật nhưng lại không lập biên bản xử lý, từ đó dẫn đến bà Kiển cho rằng khai hoang không vi phạm, sử dụng ổn định là không có cơ sở. Căn cứ quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 1987, Điều 6 Luật Đất đai năm 1993 và Điều 15 Luật Đất đai năm 2003 thì việc bà Kiển tự ý chiếm đất (khai hoang) là vi phạm luật đất đai (Điều 2 Nghị định số 04-CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ, điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai), do vậy, **diện tích 20.277 m² thuộc 04 thửa đất**, gồm: (thửa số 379, diện tích 2.336m²; thửa số 364, diện tích 7.098m²; thửa số 535, diện tích 3.597 m²; thửa số 8, diện tích 950m² và một phần diện tích (6.296 m²) thửa số 468), không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Kiển.

- Đối với nội dung bà Trần Thị Kiển khiếu nại và yêu cầu xem xét điều chỉnh lại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi chồng lấn diện tích đất bà Kiển đang sử dụng là hoàn toàn không có căn cứ và cũng vì vậy, khi đo đạc cũng không phải thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Đất đai năm 2013. Vì diện tích đất 709,44ha đã được UBND tỉnh cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thuê tại Quyết định 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 là trên cơ sở kết quả cắm mốc, đo đạc đường ranh giới, đo lập bản đồ địa chính, bản đồ ranh giới sử dụng đất do Công ty TNHH ứng dụng dịch vụ trắc địa Bình Tiến thực hiện (*Bản đồ đo vẽ năm 2014 đã được thẩm định*), các mốc này trên cơ sở thống nhất lấy mốc giới được cắm vào năm 1990 giữa các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn với Nông trường 24/3 để phân định thẩm quyền quản lý; qua phân tích, đánh giá tại phần II Quyết định này thì **13 thửa đất, diện tích 38.938 m²** này không thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Trần Thị Kiển mà toàn bộ do Nông trường 24/3 quản lý; do vậy, diện tích đất UBND tỉnh cho Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thuê đất tại Quyết định số 152 không có phần đất do bà Trần Thị Kiển được quyền sử dụng. Căn cứ quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 thì trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh là đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, toàn bộ khiếu nại, yêu cầu giải quyết bà Trần Thị Kiển được hưởng quyền lợi đối với 13 thửa đất nêu trên theo quy định Luật Đất đai năm 2013 là không có căn cứ.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Không công nhận khiếu nại yêu cầu của bà Trần Thị Kiển đối với các nội dung: Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho bà Kiển đối với **13 thửa đất, có tổng diện tích 38.938m²** tại các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi. Đồng thời, giữ nguyên Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi đối với phần diện tích **38.938 m²** nêu trên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ có trách nhiệm tổ chức công khai nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định của pháp luật và giao Quyết định này cho bà Trần Thị Kiển trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu bà Trần Thị Kiển không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ, Chủ tịch UBND các xã Phổ Nhơn, Phổ Phong, Giám đốc Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và bà Trần Thị Kiển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Tiếp công dân Trung ương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Thị ủy Đức Phổ;
- VPUB: PCVP (TD), KTN, TCD, CBTH;
- Lưu: VT, NCH413

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tuấn